

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3006/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt Phương án tuyển sinh vào lớp 10,**  
**Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, năm học 2007 - 2008**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh vào trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Quyết định số 05/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 3 năm 2002 và Quyết định số 14/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 3 năm 2003 về việc sửa đổi một số điều trong Quy chế trường trung học phổ thông chuyên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 1039/GDDT-GDTrH ngày 16 tháng 4 năm 2007 về việc tuyển sinh vào lớp 6 THCS và lớp 10 THPT năm học 2007 - 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án tuyển sinh vào lớp 10, Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, năm học 2007 - 2008.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Thị Ngọc Minh**

**PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10,  
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN, NĂM HỌC 2007 - 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3006/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)*

**I. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

**1. Đối với học sinh thành phố Đà Nẵng:** Tổng số 230 học sinh, số lượng học sinh mỗi môn chuyên dự kiến như sau:

- Chuyên Toán	: 50	- Chuyên Ngữ văn	: 20
- Chuyên Vật lý	: 30	- Chuyên Lịch sử	: 10
- Chuyên Hóa học	: 30	- Chuyên Địa lý	: 10
- Chuyên Tin học	: 15	- Chuyên Tiếng Anh	: 35
- Chuyên Sinh học	: 20	- Chuyên Tiếng Pháp	: 10

**2. Đối với học sinh tỉnh Quảng Nam:** Dự kiến tuyển sinh 20 học sinh cho các môn chuyên.

**II. Điều kiện dự tuyển**

Muốn được dự tuyển, học sinh phải có hồ sơ hợp lệ và có đủ các điều kiện sau đây:

1. Tốt nghiệp trung học cơ sở.

2. Tuổi từ 15 đến 19 tuổi (tính từ năm sinh đến năm dự tuyển).

2.1. Các đối tượng sau đây được phép cao hơn so với độ tuổi quy định trên là 1 (một) tuổi:

a) Học sinh là người Việt Nam ở nước ngoài về nước;

b) Học sinh là người dân tộc thiểu số;

c) Học sinh đang sinh sống, học tập ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc các xã: Hòa Liên, Hòa Ninh, Hòa Phú, Hòa Bắc (Theo Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Ủy ban dân tộc).

2.2. Học sinh được cấp có thẩm quyền cho phép vào học trước tuổi, học vượt lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì tuổi dự tuyển được giảm theo số năm đã được cho phép.

### 3. Điều kiện về kết quả học lực bộ môn:

- Điểm trung bình cả năm lớp 9 từ 8,0 trở lên đối với các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và từ 7,0 trở lên đối với các môn Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử, Tiếng Anh, Tiếng Pháp theo từng môn chuyên tương ứng học sinh xin dự tuyển.

- Riêng học sinh đăng kí dự tuyển vào lớp chuyên Tin học phải có điểm trung bình cả năm môn Toán ở lớp 9 từ 8,0 điểm trở lên.

4. Có xếp loại cuối năm lớp 9: Học lực khá trở lên, hạnh kiểm tốt.

5. Có đủ sức khỏe để học tập trong trường chuyên.

### III. Đăng kí nguyện vọng dự tuyển vào các lớp chuyên:

- Học sinh chỉ đăng kí dự tuyển vào một môn chuyên theo điều kiện quy định tại điểm 3, mục I. Riêng học sinh dự tuyển vào môn chuyên Toán và môn chuyên Hóa học có thể đăng kí thêm nguyện vọng 2 như sau:

+ Học sinh dự tuyển vào môn chuyên Toán có thể đăng kí nguyện vọng 2 vào một trong các môn Vật lý, Hóa học, Tin học.

+ Học sinh dự tuyển vào môn chuyên Hóa học có thể đăng kí nguyện vọng 2 vào môn Sinh học.

- Học sinh dự tuyển vào môn chuyên Toán, môn chuyên Hóa học chỉ được đăng kí một nguyện vọng 2. Học sinh đăng kí nguyện vọng 2 môn chuyên nào thì phải đảm bảo các điều kiện về môn chuyên được quy định tại điểm 3, mục I văn bản này.

#### Ví dụ:

- Học sinh A có đủ điều kiện đăng kí nguyện vọng 1 môn Toán, muốn đăng kí nguyện vọng 2 môn Vật lý, học sinh A phải có điểm trung bình môn Vật lý cả năm lớp 9 từ 8,0 trở lên.

- Học sinh B có đủ điều kiện đăng kí nguyện vọng 1 môn Hóa học, muốn đăng kí nguyện vọng 2 môn Sinh học, học sinh B phải có điểm trung bình môn Sinh học cả năm lớp 9 từ 8,0 trở lên.

### IV. Phương thức tuyển sinh

Thực hiện theo 2 vòng:

1. Vòng 1: Xét chọn những học sinh đảm bảo một số điều kiện về học lực và hạnh kiểm để tổ chức thi tuyển.

2. Vòng 2: Tổ chức thi tuyển đối với những học sinh đã qua xét tuyển ở vòng 1. Môn thi tuyển thực hiện theo Quy chế trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm Quyết định số 05/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/3/2002 và Quyết định số 14/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/3/2003 về việc sửa đổi một số điều trong Quy chế trường trung học phổ thông chuyên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### V. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng kí dự tuyển (theo mẫu thống nhất do Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành).

- Các giấy chứng nhận được hưởng ưu tiên (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền từ cấp quận, huyện (hoặc tương đương trở lên).

- Giấy khám sức khỏe tại bệnh viện cấp quận, huyện trở lên (không quá 6 tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ dự thi).

Khi được tuyển vào học chính thức, học sinh phải nộp bổ sung cho nhà trường:

- Bằng tốt nghiệp THCS (bản chính) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do hiệu trưởng trường THCS cấp (bản chính)

- Học bạ cấp THCS (bản chính)

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

- Bản cam kết hợp đồng trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của học sinh quy định tại Điều 3, Điều 7 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 03/2005/QĐ-UB ngày 10 tháng 01 năm 2005 của UBND thành phố Đà Nẵng.

## **VI. Tổ chức tuyển sinh**

### **1. Vòng 1: Xét chọn**

1.1. Xét chọn những học sinh đảm bảo một số điều kiện, tiêu chuẩn về học lực và hạnh kiểm. Số điểm tối đa là **100 điểm**, bao gồm:

<i>Tiêu chuẩn</i>	<i>Số điểm tối đa</i>
- Đạt giải học sinh giỏi các bộ môn văn hóa lớp 9	: <b>40 điểm</b>
- Xếp loại học lực giỏi liên tục 4 năm cấp THCS	: <b>20 điểm</b>
- Xếp loại trong xét tốt nghiệp THCS	: <b>15 điểm</b>
- Đạt các loại giải còn lại	: <b>15 điểm</b>
- Điểm trung bình cả năm một số môn lớp 9 (Tính theo lớp chuyên)	: <b>10 điểm</b>

1.2. Các loại điểm quy định ở mục 1.1 nêu trên, được tính như sau:

1.2.1. Học sinh đạt giải quốc gia, khu vực trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, gồm: giải toán trên máy tính Casio, viết thư quốc tế UPU, Tin học trẻ không chuyên hoặc đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp thành phố do Sở GD&ĐT tổ chức, gồm các môn: Ngữ văn, Toán, Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lý, Sinh học, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Tin học. Những học sinh đạt giải ở mục này chỉ được tính khi đăng ký dự tuyển vào lớp chuyên tương ứng:

- Đạt giải quốc gia, khu vực hoặc giải nhất cấp thành phố : **40 điểm**

- Đạt giải nhì cấp thành phố : **30 điểm**
- Đạt giải ba cấp thành phố : **20 điểm**
- Đạt giải khuyến khích cấp thành phố : **10 điểm**

Trường hợp một học sinh đạt nhiều giải ở mục này thì chỉ lấy điểm của một giải cao nhất.

#### 1.2.2. Xếp loại học lực cấp THCS:

- Các lớp 6, 7, 8 và 9 đều được xếp loại học lực giỏi : **20 điểm**
- Lớp 9 xếp loại học lực giỏi và trong ba năm học trước:  
2 năm xếp loại học lực giỏi, 1 năm xếp loại học lực khá : **15 điểm**
- Lớp 9 xếp loại học lực giỏi và trong ba năm học trước:  
1 năm xếp loại học lực giỏi, 2 năm xếp loại học lực khá : **10 điểm**

#### 1.2.3. Xếp loại tốt nghiệp THCS:

- Tốt nghiệp THCS loại giỏi : **15 điểm**
- Tốt nghiệp THCS loại khá : **10 điểm**

1.2.4. Học sinh đạt giải toán trên máy tính Casio (chỉ tính khi đăng ký vào môn chuyên Toán) và Tin học trẻ không chuyên (chỉ tính khi đăng ký vào môn chuyên Tin):

- Giải nhất : **15 điểm**
- Giải nhì : **10 điểm**
- Giải ba : **5 điểm**
- Giải khuyến khích : **2,5 điểm**

Trường hợp một học sinh đạt nhiều giải ở mục này thì chỉ lấy điểm của một giải cao nhất.

1.2.5. Học sinh có điểm trung bình một số môn học cả năm lớp 9 từ 8,00 hoặc 9,00 trở lên (theo từng môn chuyên):

a/ Dự tuyển vào các lớp chuyên Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học:

- Đạt điểm trung bình cộng của các môn Toán, Vật lý, Hóa học và Sinh học từ 9,0 trở lên : **10 điểm**
- Đạt điểm trung bình cộng của các môn Toán, Vật lý, Hóa học và Sinh học từ 8,0 đến 8,9 : **5 điểm**

b/ Dự tuyển vào các lớp chuyên Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý:

- Đạt điểm trung bình cộng của các môn Ngữ văn, Địa lý

- và Lịch sử từ 8,0 trở lên : **10 điểm**
- Đạt điểm trung bình cộng của các môn Ngữ văn, Địa lý và Lịch sử từ 7,0 đến 7,9 : **5 điểm**
- c/ Dự tuyển vào các lớp chuyên Tiếng Anh và Tiếng Pháp:
  - Đạt điểm trung bình môn Tiếng Anh (Tiếng Pháp) từ 9,0 trở lên và điểm trung bình cộng của các môn Ngữ văn, Địa lý và Lịch sử từ 8,0 trở lên : **10 điểm**
  - Đạt điểm trung bình môn Tiếng Anh (Tiếng Pháp) từ 8,0 trở lên và điểm trung bình cộng của các môn Ngữ văn, Địa lý và Lịch sử từ 7,0 đến 7,9 : **5 điểm.**

### 1.3 Điểm xét tuyển vòng 1:

Điểm xét tuyển vòng 1 = Điểm mục 1.2.1 + điểm mục 1.2.2 + điểm mục 1.2.3 + điểm mục 1.2.4 + điểm mục 1.2.5

Những học sinh đạt điểm xét tuyển vòng 1 theo quy định sau đây sẽ được dự thi vòng 2:

- Đạt từ 45 điểm trở lên đối với thí sinh dự thi vào lớp chuyên: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, tiếng Anh và Tin học.
- Đạt từ 35 điểm trở lên đối với thí sinh dự thi vào lớp chuyên Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và tiếng Pháp.

## 2. Vòng 2: Thi tuyển

2.1. Môn thi: Thí sinh phải dự thi 3 môn: Toán, Ngữ văn và môn chuyên.

2.1.1. Nếu môn chuyên là Toán hoặc Ngữ văn, thì ở mỗi môn này, học sinh phải dự thi hai bài: một bài thi bình thường (hệ số 1) và một bài thi theo quy định cho môn chuyên (hệ số 2).

2.1.2. Nếu môn chuyên là Tin học thì môn quy định cho môn chuyên là Toán (hệ số 2).

2.1.3. Nếu học sinh có đăng kí nguyện vọng 2, thì ngoài việc thi môn chuyên theo nguyện vọng 1, phải thi thêm một môn chuyên theo nguyện vọng 2.

2.1.4. Điểm các môn thi tính theo thang điểm 10,00 điểm.

2.2. Hình thức và nội dung đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận.

- Nội dung đề thi: Theo chương trình trung học cơ sở hiện hành và những nội dung nâng cao theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2006-2007 của Sở Giáo dục và Đào tạo cho từng môn học.

### 2.3. Hệ số môn thi:

- Toán, Ngữ văn: Hệ số 1.
- Môn chuyên: Hệ số 2.

### 2.4. Lịch thi:

Buổi	Ngày thứ nhất	Ngày thứ 2
Sáng	Môn Ngữ văn (hệ số 1)	Môn chuyên (hệ số 2) (trừ Vật lý, Hóa học)
Chiều	Môn Toán (hệ số 1)	Môn chuyên Vật lý, Hóa học (hệ số 2)

2.5. Thời gian làm bài: 150 phút cho mỗi môn thi, không kể thời gian giao đề.

### 2.6. Điểm khuyến khích cộng thêm:

Học sinh đạt giải trong kì thi chọn học sinh giỏi các bộ môn văn hóa lớp 9 cấp thành phố được cộng thêm điểm khi tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn nếu môn đạt giải là môn chuyên đăng kí dự thi.

Học sinh dự tuyển vào lớp chuyên Tin học, nếu đạt giải trong kì thi Tin học trẻ không chuyên cấp quốc gia (từ giải ba trở lên) thì được cộng mức điểm bằng giải nhất cấp thành phố.

Học sinh dự tuyển vào lớp chuyên Toán, nếu đạt giải trong kì thi Giải toán trên máy tính Casio khu vực (từ giải ba trở lên) thì được cộng mức điểm bằng giải nhất cấp thành phố.

- Giải nhất cấp thành phố : **2,0 điểm**
- Giải nhì cấp thành phố : **1,5 điểm**
- Giải ba cấp thành phố : **1,0 điểm**

(Học sinh chỉ được cộng điểm khuyến khích 1 giải cao nhất)

## VII. Điều kiện trúng tuyển

### 1. Điểm xét tuyển:

$\text{Điểm xét tuyển} = \frac{\text{Tổng điểm các bài thi (đã tính hệ số)} + \text{Điểm khuyến khích (nếu có)}}{\text{Tổng các hệ số bài thi}}$
--

**2. Điều kiện xét tuyển:** Được đưa vào danh sách xét tuyển là những học sinh được xét chọn vào vòng 2, dự thi đầy đủ 3 bài thi, không vi phạm qui chế thi, **không có bài thi nào bị điểm dưới 2, điểm thi môn chuyên phải đạt từ 6,0 điểm trở lên, điểm xét tuyển đạt từ 5,0 trở lên.**

Điểm xét tuyển vào lớp 10 làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai.

### **3. Nguyên tắc xét tuyển:**

3.1. Thứ tự xét tuyển lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh cho từng môn chuyên.

3.2. Nếu học sinh có điểm xét tuyển ngang nhau thì thứ tự ưu tiên xét tuyển được căn cứ vào kết quả cả năm học lớp 9 và điểm bài thi môn chuyên, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: xếp loại hạnh kiểm tốt, học lực giỏi và điểm bài thi môn chuyên cao hơn.
- Thứ hai: xếp loại hạnh kiểm tốt và học lực giỏi.
- Thứ ba: xếp loại hạnh kiểm tốt và điểm bài thi môn chuyên cao hơn.
- Thứ tư: xếp loại học lực giỏi và điểm bài thi môn chuyên cao hơn.
- Thứ năm: điểm bài thi môn chuyên cao hơn.

Điểm khuyến khích cộng thêm hoặc các giải dùng để ưu tiên xét tuyển chỉ được tính cho những kì thi được tổ chức trước ngày thi tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn năm học 2007 - 2008.

3.3. Đối với những học sinh đăng kí 2 nguyện vọng, ưu tiên xét chọn theo nguyện vọng 1, nếu học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 mới xét nguyện vọng 2.

### **VIII. Lệ phí tuyển sinh**

40.000 đồng một thí sinh.

Hội đồng tuyển sinh năm học 2007 - 2008 của ngành giáo dục và đào tạo thành phố Đà Nẵng ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể hướng dẫn Hội đồng tuyển sinh Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn thực hiện đúng các quy định nêu trên./.

-----